

BẢN LUẬN QUYỂN 85

Sự hành trạch của Khế kinh trong nhiếp sự phần, thuộc “một” phần trong thứ nhất.

Trên đây, đầu tiên là Tông của Bản địa phần nói về nghĩa của mười bảy địa. Có chỗ bất liễu nghĩa khác trong mười bảy địa cần phải phân biệt.

Kế là, thứ hai, nói về phần quyết trạch. Dù phân biệt quyết định lựa chọn trong nghĩa, nhưng vẫn chưa phân biệt, giải thích kinh pháp, nên kế là thứ ba, nói về Nhiếp trạch phần.

Dù nói soạn luận, giải thích pháp dụng, nhưng chưa nói về danh, với nghĩa của các pháp, đều có nhiều thứ, nên kế là, thứ tư, nói về nhiếp thu môn khác lạ. Dù nói về các thứ nghĩa văn của môn khác, nhưng chưa nói về bản tạng, chỗ nương tựa của nghĩa văn, nên kế là thứ năm, nói về phần nhiếp sự, nghĩa là về phần này, vì đem giáo ba tạng Nhiếp thu sự hành trạch v.v... đã nói, nên nói như thế. Phần này nói đủ ba tạng, trước giải thích Khế kinh. Trong khế kinh có bốn lựa chọn:

1. Nói năm uẩn là hành trạch, vì là hành hữu vi.
2. Là xứ trạch (Lựa chọn xứ).
3. Nói về duyên khởi Đế ăn và lựa chọn cõi.
4. Là lựa chọn pháp phần Bồ-đề.

Nay, trong ba Tạng, trước nói về Khế kinh, trong bốn lựa chọn, trước nói về lựa chọn hành, gọi chung là lựa chọn hành thứ nhất. Trong bốn quyển, quyển này ở đầu, nên nói trong một văn, đầu tiên là kết trước, sinh sau. Kế là, chính là quyết định lựa chọn. Sau, kết khuyên, nên hiểu rõ.

Trong chính thức quyết định lựa chọn, 1- Chia ra ba Tạng. 2- Giải thích theo thứ lớp tức là ba đoạn:

Đầu tiên, có mười bốn quyển, nói Tạng thứ nhất. Kế là, có một quyển rưỡi nói về Tạng thứ hai. Sau, nửa quyển thứ một trăm, nói về Tạng thứ ba.

Y cứ văn trong Tạng đầu, được chia làm hai:

1. Nêu kinh đã giải thích.
2. “Từ đây về sau v.v... trở xuống, là nói về chủ thể giải thích Ma-đát-lý-ca.

Trong phần trước có hai: Trước là gạn nêu hai mươi bốn kinh. Sau, giải thích theo thứ lớp.

Phần trước sở tác của thời gian trước. Pháp sư Thái nói: “Vì một

bộ phận đã nói trước, nên nói rằng, việc đã làm (sở tác) của thời kỳ trước.

Trong giải thích thứ lớp, trước, là giải thích riêng bốn kinh, tức là y cứ ở Bộ để lập riêng. Sau, khuyên chung biết hai mươi thứ kia, tức là y cứ ở nghĩa để lập kinh. Bốn kinh trước là gốc, hai mươi là ngọn. Nói lại bốn kinh trước cũng gồm thu hai mươi sau. Hai mươi sau cũng gồm thu bốn kinh trước.

Trong giải thích bốn kinh, nói dựa vào năm nhóm phạm và nêu ra năm nhóm phạm nói lỗi.

Một trăm năm mươi học xứ, nghĩa là năm thiên giới có hai trăm năm mươi, nhưng Luận chủ sao chép giới thô kia có một trăm năm mươi. Chúng Học vi tế, không thể hạn chế số lượng, nên nêu một trăm. Ngoài ra, gọi là lỗi.

A-cấp-ma, Hán dịch là Truyền. Như giáo này, trước Phật, sau Phật, vì lần lượt giảng nói lưu truyền không có khác, nên gọi là truyền, không đồng với thời xưa nói rằng, A-hàm được gọi là Tịnh giáo.

Trong đây, tự giải thích A-cấp-ma, nghĩa là ở trong đây, Đức Thế tôn quán đãi giảng nói với đối tượng được giáo hóa kia, tức Như lai và các đệ tử.

Nói tương ứng tức “người năng nói” tương ứng với giáo, tức là văn. “Uẩn, giới, xứ v.v... trở xuống, là sở thuyết, tức nghĩa của giáo ấy.

Lại, dựa vào tám chúng để nói các pháp tương ứng, tức là giáo đã phổ cập con người, cái gọi là tám chúng, như pho thuyết đầu tiên.

Trong ngôn, xứ mà nói, nghĩa là vì chẳng phải rộng, chẳng phải lược.

Nói “Với bốn thứ như thế, thầy trò xoay vần cho đến là gọi là Khế kinh sự”. Luận sư Cảnh nói: “Đây là giải thích về nghĩa truyền. “Tăng nhất”, lẽ ra là lầm.”

Đại Luận sư lại nói “Trong văn này lại thêm hai chữ “Tăng nhất” ấy là sai lầm, vì trong bản thảo không có hai chữ này, nhưng người xét văn lại gán thừa hai chữ “Tăng nhất”.”

Văn kết này, tổng kết bốn A-cấp-ma.

Trừ Phương Quảng trong mười hai phần, phần còn lại, được gọi là kinh tương ứng của Thanh văn. Về mặt đạo lý. Đại, Tiểu thừa đều có đủ mười hai. Nay trong văn này, lại nêu một nghĩa.

Dưới đây là khuyên chung biết hai mươi thứ khác. Bốn thứ trước, kinh chưa hẳn có đủ nghĩa trong hai chục kinh, nên nói “như ứng”.

Dưới đây, thứ hai, nói về chủ thể giải thích Ma-đát-ly-ca. Văn

chia làm ba:

Phần đầu, nói về ý sau và danh nghĩa của Bản mẫu, kế là, chính là giải thích. Sau, là kết luận biết rõ.

Bản mẫu chữ, là mười bốn âm. Lại giải thích cõi ba trăm chữ gọi là Bản mẫu y cứ trong chính giải thích, bốn lựa chọn, tức là bốn đoạn. Y cứ trong lựa chọn hành (Hành trạch), “ngày của Ồt-Đà-Nam chung cho đến “không có nhàm chán trụ Thiểu dục”. Đây là tiêu biểu chung cương yếu, có riêng mười một môn: 1- Giới; 2- Lược giáo; 3-Tướng, hành; 4- nhanh chóng thông suốt ; 5- Nhân; 6- Chi đoạn; 7- Hai phẩm; 8- Sự trí; 9; Tranh cãi; 10- Không có nhàm chán; 11- Trụ thiểu dục.

Kế là, có mười một bài tụng riêng, giải thích mười một môn của bài tụng chung. Nhưng mỗi bài tụng trong mười một bài tụng ở dưới, có nhiều môn, mỗi môn đều gồm thâu nhiếp đầu vào bài tụng chung.

Y cứ ở kệ riêng ban đầu, lại có mười một môn: 1, Giới; 2, Thuyết; 3, Hành trước, 4, Quán sát; 5, Quả; 6, tướng ngu; 7, các Định như vô thường; 8, Giới; 9, Hai thứ lần lượt; 10, Chẳng phải đoạn, chẳng phải thường; 11, Nhiễm tịnh.

Trong Văn xuôi, giải thích mười một môn, tức mười một đoạn: Đầu tiên, trong giải thích về giới, trước nói về thể của bốn thứ giới đối tượng trị (sở trị). Sau, nói về đạo “năng trị” (chủ thể trị).

Phần trước, nói “Có bốn thứ cho đến “Đã nhóm hợp thành giới”, nghĩa là tập tà thắng giải, huân hạt giống gọi là giới. Cái “có” ở trước, phân biệt khác với cái “có” hôm nay. Thân trước của đời trước đã được tự thể, là phân biệt khác với thân hôm nay của đời nay, nay đã được tự thể.

“Lắng nghe, thường thấy cho đến “Đã nhóm hợp thành giới”, nghĩa là đời trước đã nghe nói: “Thân ta là thường, bất sinh từ nhân, tức là giải thoát, thường tập kiến chấp huân thành hạt giống, cho nên với thân hôm nay, do hạt giống ấy làm nhân, tập tà thắng giải, huân hạt giống thành giới. Như nói: “Do chấp thường cho đến “Nói rộng cũng thế”, nghĩa là so với ba giải thích kiến chấp khác”.

Dưới đây là nói về đạo “năng trị”, đầu tiên, là nói về ý của giáo hưng thịnh. Sau, chính là nói về đạo “năng trị”.

Nói “Vì tùy thứ tư, nếu lìa các hành khởi ngã kiến, do giáo vận chuyển của môn “không”, vì điều phục lìa uẩn chấp ngã, ngã ở trong uẩn, nên nói hành của năm uẩn là không, không có ngã.

Nếu tức các hành, khởi ngã kiến, là do chuyển môn vô ngã, nghĩa là nói “ngã” kia tức uẩn, mà không có ngã.

Trong giải thoát thứ hai, trước hết, chia ra ba chương. Sau, theo thứ lớp giải thích riêng:

Nói “Lại, giải thoát có ba: 1, Giải thoát của thế gian, nghĩa là giả thiết lập ra, vì không dứt trừ hạt giống “hoặc”.

Thế nào là phương tiện? Nghĩa là dựa vào tánh “như sở hữu” và tánh “Tận sở hữu” v.v... trong các hành: Kiến đạo về trước, quán hành hữu vi, có lý vô thường v.v..., gọi là tánh “như sở hữu”. Loại tánh của năm uẩn, mỗi tánh uẩn đều không đồng, gọi là tánh “tận sở hữu”. Tu tưởng vô thường về hai tánh kia, do tưởng này nhập hiện quán đế tận, gọi là phương tiện quán của kiến đạo. Như đối với giải thoát kia đều là phương tiện. Trong pháp đã chứng nội tại, nói là “đời đã tận, các hành ở các đường ác lại tận bảy đời v.v... tức là người Dự lưu, được “sinh tử của ta đã hết”.

Lại, ta trụ có thể rất ráo tận, đạo không có lui sụt v.v... tức là phạm hạnh của Dự Lưu đã lập.

“Nếu đối với Vô học cho đến việc nên học”, nghĩa là nói về việc đã làm xong”. Nay, ta còn không có.” Trở xuống, là nói không thọ hữu sau.

Thứ ba, giải thích về hành ở trước. Nói “thấy pháp hành ở trước v.v... đến” chánh kiến xuất thế”, nghĩa là phương tiện của kiến đạo, gọi là thấy hành ở trước.

Do nghe bốn phạm hạnh của phương tiện giải thoát đã nói như trên, khởi văn, tư, tu, chưa nhập chánh tánh ly sinh, có thể nhập chánh tánh được thấy như thật.

“Pháp hạnh trước kia của quả đạo cho đến” vì đã dứt trừ các phiền não khác”. Luận sư Cảnh nói: “Tu đạo là phương tiện quả của nhà đạo, gọi là quả của hạnh ở trước, nghĩa là khi đã được kiến đạo, khởi tu đạo, dứt trừ, “hoặc”, chánh tư duy v.v.... Hoặc theo thứ lớp của kiến đạo; gọi là hoặc đồng thời, hoặc đồng một thân. Nếu thời gian sau, và thân sau, mới khởi sự tu đối trị đoạn, thì gọi là hoặc thời gian sau, vì dứt trừ phiền não của tu đạo khác.”

Pháp sư Thái nói: “Về đạo lý, chánh kiến chánh tư đều cùng có. Nhưng, nay Luận chủ lại y cứ ở đạo, “năng dẫn” để nói về đạo “sở dẫn” Hoặc có sinh đồng thời với đạo “năng dẫn”. Hoặc có “năng dẫn” diệt, về sau “sở dẫn” mới sinh”.

Luận sư cho rằng: Hoặc sinh đồng thời nghĩa là đạo vô gián sinh đồng thời với “hoặc”.

Nói “hoặc sinh thời gian sau”, nghĩa là đạo giải thoát.

Thứ tư, trong giải thích về quán sát, nêu tám sự: 1) Vị ái. 2) Tai họa lỗi lầm. 3) Xuất ly. 4) Văn. 5) Tư. 6) Sức tư duy lựa chọn. 7) Kiến đạo. 8) Tu đạo.

Kế là, nói riêng tướng quán sát. Nói “là gọi là quán sát khác nhau của một môn”. Là tổng kết ba môn trước để làm một môn, y cứ “sở quán” (đối tượng quán) để nói về quán sát, năm thứ sau, y cứ chủ thể để nói về quán sát.

Nói “không dứt hiện hành”, là sức tư duy lựa chọn, hàng phục, và vì dứt một phần, là kiến đạo dứt kiến hoặc.

Thứ năm trong giải thích về quả, trước, là nêu chung hai quả. Sau là giải thích riêng, trong đó, 1) Nói quả của hai thứ dứt ”hoặc”. 2) Có khi không bao giờ còn vận chuyển nữa, tức là Niết-bàn hữu dư. 3) Nói về quả của khổ diệt, có năm phen. Đây là Niết-bàn vô dư, nỗi khổ của thân, tâm đã diệt, tức năm thức tương ứng với ý thức, khổ diệt, khổ hoại và khổ khổ khổ diệt, vì đồng là “khổ sự”, nên chung làm một. Hành khổ, khổ diệt, vì là “khổ lý”, nên chung làm một.

Thứ sáu, là giải thích tướng ngu, như văn.

Thứ bảy, là giải thích bốn thứ như vô thường v.v... quyết định, trước là nêu chung, bốn môn quyết định sau, là giải thích riêng bốn môn, gồm có ba lượt:

Trong lượt thứ nhất, nói: “ Thế nào là các hành vô thường quyết định v.v... cho đến” vì tương ứng với khởi tận”, đây là nêu ba nghĩa, nhằm chứng minh ba đời vô thường,: “Nếu hành vị lai cho đến” Như thế, lẽ ra chẳng phải vô thường quyết định”; nghĩa là các hành của vị lai, trước là, “không” không thì là quyết định, tức là lẽ ra chẳng phải trước không mà có. Vì nếu thế, thì đáng lý chẳng phải vô thường quyết định.

“Do hành kia v.v... trở xuống, là giải thích thuận với vô thường, là quyết định của vô thường kia.

“Nếu hiện tại cho đến các hành ở vị lai, thì lẽ ra chẳng phải vô thường quyết định”, nghĩa là hành của hiện tại sinh, nếu quyết định là “có”, thì lẽ ra chẳng phải trước “có” mà “không”. Vì trước “có” mà “không”, nên biết quyết định vô thường, phải biết rằng, vị lai trước “không” mà “có”, nhất định là vô thường, cũng có thể trước kia y cứ ở vị lai để giải thích câu thứ nhất trước “không” mà có. Kế là, là y cứ hiện tại, để giải thích trước “có” mà “không”.

Dưới đây y cứ ở khởi, tận để giải thích vô thường: “Các hành trong hiện tại, lẽ ra cũng không tương ứng với khởi, tận cho đến” chẳng phải quyết định “có”, nghĩa là hành hiện tại bắt đầu khởi, tức vì cùng

tận, nên tương ứng với khởi, tận pháp quá khứ, chỉ tận chẳng phải khởi, pháp vị lai khởi mà chẳng phải tận, vẫn là vô thường, hướng chi là pháp hiện tại có đủ tương ứng với khởi, tận, há chẳng phải là vô thường, vì hữu vi ở trước thì thiết chẳng phải có? Cho nên các hành quá khứ vô thường quyết định rất dễ hiểu”.

“Như thế v.v... trở xuống, là kết thành nghĩa vô thường quyết định kia.

Nói “Vị lai chưa có, do đây nên “không”, quá khứ đã diệt, do đây nên “không”, nghĩa là y cứ ở nhân duyên không của tha, các hành hiện tại tuy có chưa diệt cho đến do đây nên là không. luận sư Cảnh nói: đối với hiện pháp quyết định chấp có biến kế sở chấp tất nhiên rất ráo vô tánh, nên gọi là “không”.

Pháp sư Thái nói: “nghĩa đế là nghĩa thật. Thắng nghĩa là nghĩa đệ nhất. Các hành hiện tại không có hai nghĩa đó, nên “không” quyết định.

“Thế nào là các hành vô ngã quyết định cho đến “là gọi là các hành vô ngã quyết định”, nghĩa là pháp quá khứ, vị lai hã còn là vô ngã, hướng chi là pháp hiện tại đang không có tự tại mà được gọi là “ngã” ư?

“Lại do hai tướng v.v... trở xuống, lần lượt giải thích thứ hai rằng: 1/ Tánh ngoài mỗi thứ các hành, nghĩa là không có ngã sở; 2/ Các hành từ duyên sinh không tự tại, nghĩa là thân trong là vô ngã.

“Lại, do mười tướng v.v... trở xuống; lượt giải thích thứ ba nói: “do bại hoại v.v.... Luận sư Cảnh nói: “Do bại hoại, biến dịch, biệt ly, với ba thứ này, nên biết là vô thường, chẳng đáng ưa thích, không yên ổn, hai thứ này được nói là khổ. Xa lìa thường lạc, tịnh v.v..., gọi là “không”, tướng khác làm rõ vô ngã”.

Đại Luận sư nói: “1- Bại hoại; 2- Biến dịch; 3- Chia lìa; 4- chẳng đáng ưa thích; 5- không yên ổn; 6- Nên xa lìa tướng của tướng khác. Trong đây, giảm lược không nói về bốn tướng còn lại, vì như địa Thanh văn đã nói”.

Thứ tám, giải thích giới có năm thứ. Nói giới diệt: là Kiến, tu dứt trừ “hoặc”, vì đã dựa vào thân ấm diệt, nên gọi là giới diệt.

Thứ chín, là giải thích hai lần lượt: Đầu tiên là nêu chung; 2- Giải thích theo thứ lớp. Trong giải thích về quả trí lần lượt. Văn chia làm hai: trước, y cứ vào bốn pháp, sau y cứ ở bốn chấp.

Thứ mười, là giải thích chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, trước, y cứ ba đời, sau y cứ bốn duyên. Trong phần trước:

- 1- Vì dùng đi đứng vô thường làm nhân, nên tức là quá khứ.
- 2- Vì sinh xong, không có nhân của trụ, tức là hiện tại.
- 3- Vì tánh nhân của các hành vị lai đã diệt, tức pháp vô thường hiện tại là nhân của vị lai.

Vấn dưới đây nói duyên đẳng vô gián, nghĩa là sáu thức v.v... trước và đẳng vô gián diệt v.v... của pháp tương ứng, đây là nói vì năm thức làm duyên đẳng vô gián với năm thức, nên có nối tiếp nhau. Trong pho kinh đầu rằng: “Năm thức không có duyên thứ đệ, là vì y cứ ở tâm “suất nhĩ”. Nếu y cứ ở đẳng lưu thì vẫn được nối tiếp nhau”.

Thứ mười một, là giải thích về nhiễm tịnh: 1/ Chia ra hai chương. 2/ Dựa vào chương để giải thích. Trong giải thích có ba: trước là giải thích ba sự. Kế là giải thích hai tướng. Sau, là phân biệt, giải thích lại. Lời kết trong ba sự, tóm lược chung làm một, gọi là ba sự v.v... Ba sự dù khác nhau, nhưng vẫn gọi là chung là quán sát nhiễm tịnh.

Trong phần giải thích hai tướng nói: “1- Tánh như sở hữu, nghĩa là như tai hại lỗi lầm của vị ái kia, như vì tánh xuất ly mà quán.

2- Do “tánh tận sở hữu”, nghĩa là dứt hết tai hại lỗi lầm của vị ái sở hữu kia, xuất ly thấy đều quán. Rằng trong đây, quán các hành làm duyên sinh lạc, sinh hỷ, gọi là vị ái, nghĩa là các hành là vị sở ái. Lại, vị ái rất nhỏ, hẹp. Luận sư Cảnh nói: “Vì ở chỗ các hành sinh mừng, vui rất ít nên gọi là nhỏ, hẹp.”

Pháp sư Thái nói: “Vị ái là nhân, tai hại lỗi lầm gọi là quả. Vì tướng của quả có lỗi nhiều, nên nói là rộng lớn. Do lỗi của tướng là nhỏ nên nói là hẹp nhỏ.

“Như thế, do hai tướng, quán tánh “như sở hữu”, cái gọi là vị ái:

- 1- Quán hạnh, sinh vui, mừng.
- 2- Quán ái vị rất nhỏ hẹp. Về quá hoạn rộng lớn Luận sư Cảnh nói: “Vì vô thường nêu nghĩa hằng là các hữu lậu, nên gọi là rộng lớn. Do hai tướng: một là vô thường, hai là rộng lớn.

- Trong xuất ly do hai tướng quán.

1. Xuất dục tham, diệt đoạn.
2. Vắng lặng vô thượng đẳng.

Lại, “Tức tai hại lỗi lầm của vị ái này, xuất ly đẳng trong các hành v.v...”. Nghĩa là quán chung. Lại, “Vì biết rõ v.v... trở xuống, là thứ ba, phân biệt, giải thích lại, được chia làm hai: 1. Y cứ người để nói về ba việc. Lại, tùy theo pháp thích ứng với ba xứ này v.v... trở xuống”, là y cứ ở đạo để nói.

Trong phần trước có hai:

1. Y cứ Nhị thừa.
2. Y cứ vào ba thế gian.

Ở phần trước, nói: 1, Đối với các dục nhiễm, chúng chấp mắc, tức vị ái, 2. Chúng xa lìa, tức quán lỗi lầm mà sinh xa lìa, 3. Chúng ly hệ (Lìa trôi buộc), tức xuất ly:

Kế là, y cứ ba thế gian. Nói: “1) Do được tự tại dục và vì tự tại tịnh, nên bằng nhau”, nghĩa là ma vương vì được tự tại trong cõi Dục, nên nói rằng, được dục tự tại. Phạm Vương vì đã lìa dục, ác, bất thiện, nên nói rằng tự tại tịnh. 2) “Do siêng tu được nhân kia, cho nên bằng nhau”, nghĩa là Sa-môn ngoại đạo v.v... này cầu được ma, phạm, nên tu nhân cõi trời kia. 3) Vì hướng đến nhân quả của các thứ nghiệp, nên bằng nhau, nghĩa là ngoại trừ hai ma Phạm, ở trước, còn có mỗi thứ nghiệp của cõi trời, người.

Dưới đây, trong y cứ ở đạo, để nói. Trong ba sự, trước, y cứ ở hai đạo kiến, tu. Để nói về tai hại lỗi lầm. Sau, y cứ bốn giải thoát, nhằm nói về xuất ly. Trong đây, lược qua không nói về vị ái.

Y cứ nói về giải thoát, đầu tiên là pháp. Kế là, dụ, sau, hợp. Trong pháp thuyết, Pháp sư Thái nói: “Tham trước là trong, tham sau, là ngoài. Vì tham trong năm dục, nên cần phải nói lại. Luận sư Đạt nói: “Ba tướng trước nói về Niết-bàn Hữu dư, một tướng sau, nói về Niết-bàn vô dư nghĩa ấy rất dễ hiểu.

Trong dụ, trước y cứ vào năm dụ, dụ cho nhà chướng của bốn giải thoát ở trước. Sau, nêu bốn câu để kết năm dụ trước.

Trong phần trước, nói “Ví như có người cho đến” Hoặc dây tơ, hoặc sắt, là dụ thứ nhất, bị ba độc ràng buộc. Hoặc gỗ, dụ cho tham, hoặc dây tơ, dụ cho sân. Hoặc sắt, dụ cho si.

Lại “Đặt để người khác, khiến họ ngăn giữ, là thí dụ thứ hai, vì tùy miên ba độc, và đã ngăn giữ tác ý không đúng.

Hoặc “Nếu có ba độc kia cho đến” lại chấp tương lai”, là dụ thứ ba, vì tục, đạo hàng phục dứt trừ tham v.v... kia trở lại chấp tương lai. Ở cõi dưới, hoặc có người còn không khiến người kia lay chuyển, hướng chỉ là được trốn tránh.

Thí dụ thứ tư, sức tư duy bất chính, không khiến hành xả đối với phược tham v.v.... Hoặc “có an trí cho đến không có kẻ muốn trốn tránh.

Thí dụ thứ năm, xứ kia, trong thọ năm dục mầu nhiệm, tâm sinh niềm vui, bị ràng buộc bởi chấp mắc chín kiết.

Dưới đây sẽ nêu bốn câu để kết năm dụ trước. Luận sư Cảnh nói:

“ Như thế, người kia đã bị tất cả thứ phược ràng buộc, là câu thứ nhất. Vì đã giữ gìn phương tiện giữ gìn, nói chung các câu thứ hai, thứ ba, thứ tư, làm câu thứ hai, vì bị trói buộc bởi sự trói buộc rất vững chắc; nghĩa là nói chung câu thứ tư. Bị chín kết trói buộc là câu thứ ba. Lại, bị kẻ thù tùy dục gia hại v.v... nghĩa là thêm riêng một thứ này là câu thứ tư.

“Nếu có chủ thể thoát là bốn phược”, thì là thoát tất cả phược. Luận sư Đạt nói: “Bị phược ràng buộc, kết dụ ba độ”.

“Vì phương tiện thiện” v.v... trở xuống là Kết trước khiến người kia ngăn ngừa, giữ gìn. Trong đây không kết dụ tùy miên.

“Vì rất v.v... trở xuống, là kết dụ chín kết.

Kế là kẻ thù v.v... trở xuống, là kết dụ sinh ra khổ sinh v.v....

Nói “đánh, đập”, là dụ ma uẩn. Hoặc dụ cho sự cắt rọc. Thí dụ ma chết, hoặc làm hại bằng gậy gộc. Dụ thiên ma, hoặc cắt đứt cả mạng sống, dụ cho ma phiền não”.

Trong hợp, Luận sư Cảnh nói: “Như thế, “đối với người kia cho đến” thí dụ tham, sân, si, ràng buộc”, nghĩa là hợp dụ thứ nhất.

Nói “ba xứ, người ngu thế gian”, nghĩa là ma, phạm v.v... dùng làm ba. Thủ cấm kia, nghĩa là thí dụ tâm, tư bất chính và người chưa nhỏ hết gốc tùy miên, hợp dụ thứ hai.

“Vì tâm, tư bất chính cho đến” mà trốn tránh xa”, nghĩa là hợp dụ thứ tư trước.

“Tùy miên phiền não chưa nhỏ cho đến” lại chấp đem trở lại”, là kết hợp dụ thứ ba. Ba thứ trung gian này kết hợp lại làm thứ hai, dục hấp dẫn đáng yêu, thí dụ cho chín kết. Kết hợp với dụ thứ năm, hợp thành ba.

Lại “Bốn ma oán v.v... trở xuống, là thêm hai thứ này để làm dụ thứ tư. Nếu thoát khỏi bốn thứ này, thì gọi là cởi trói tất cả. Luận sư Đạt nói: “bị các thứ phược cho đến “Phược tham, sân, si,” hợp dụ ba độ thứ nhất.

“Thủ cấm của người kia” trở xuống, là hợp dụ tùy miên phiền não của tác ý bất chính thứ hai, thứ ba.

Nói “Dục hấp dẫn đáng ưa thích: dụ cho chín kết.

Nói “Do kiết kia, nên”, là hợp dụ thứ năm, khổ sinh v.v....

“Người kia đã như thế v.v... trở xuống, là hợp kết thí dụ đầu tiên trong văn.

“Phương tiện thiện v.v... ” trở xuống, là dụ thứ hai trong kết hợp.

“Rất cứng chắc v.v... trở xuống, là dụ thứ ba trong kết hợp.

Nói “Lại bốn ma oán”, hợp dụ thứ tư.

Môn lớn thứ hai, là giải thích về giáo v.v... sơ lược, trước, là tụng nêu mười một:

- 1- Giáo sơ lược.
- 2- Quả của giáo.
- 3- Chung cuộc(tu)
- 4- Số đoạ.
- 5- Ba biến tri dứt.
- 6- Trói buộc.
- 7- Giải thoát.
- 8- Kiến, mạn tạp nhiễm.
- 9- Câu tịnh thuyết.
- 10- Xa lìa bốn đứ.
- 11- Viên mãn.

Trong văn xuôi giải thích, tức là mười một đoạn. Đầu tiên, trong giải thích về giáo sơ lược. Do ba nhân duyên thính giáo sơ lược, truyền trao v.v.... Luận sư Cảnh nói:

“1- Sơ lược nghe pháp đủ được nghĩa v.v... của mình.

2- Lại có sự sợ hãi đối với môn đã nhập, nên cho đến sẽ không khiến ta tác ý tán loạn v.v...

3- Lại, đối với tất cả pháp đã nghe, suy nghĩ như thế không được quyết định, phải nương tựa vào đâu? Do ba nhân duyên này, lược thính dạy bảo, truyền trao.

Có chỗ giải thích:

“1- Nếu người chỉ nghe làm cứu cánh thì Đại sư sẽ vì họ nói, khiến sinh hiểu biết như thế, chỉ nghe sơ lược pháp đủ được nghĩa mình, đâu nhờ vào sự học rộng v.v... vì lẽ vì hạnh chánh là thật, mà từ bỏ muốn học rộng?”

2- Pháp môn đã nhập, phần nhiều quán hạnh đã làm có sợ hãi. Đại sư thì thực hành phương tiện thiện rồi mới được nhập.

3- Đối với nhiều pháp, khéo nghe, suy nghĩ, nên không để cho tác ý tán loạn.

Lại “Đối với pháp đã nghe, tư duy như thế” trở xuống là nói chung về thính giáo.

Trong giải thích quả của giáo, Luận sư Cảnh nói: “ Vì xuất gia này, và xuất gia như đây:

1- Tức hình tướng, nghĩa là cạo tóc, đắp y nhuộm, hình đồng với thân của Chư Phật vô thượng.

2- Sự nghiệp cụ túc: Được sự nghiệp ba học hiện pháp.

3- Ý lạc cụ túc: được tâm thông tự nhiên.

4- Đây đủ chỗ Bồ, lấy, nghĩa là do chứng đắc bên trong, nên bỏ sinh tử, lấy Niết-bàn. Cũng có thể bỏ hiểu biết v.v... của giới thủ.

Nói “Cụ túc, là dựa vào xuất gia này, được vô thượng v.v... đã nói như trên. Pháp sư Thái nói: “ Vì được đạo vô thượng này, nên xuất gia. Và như xuất gia chân chánh sau đây. Những gì là bốn?

1- Dựa vào xuất gia này nên được chứng đắc vô thượng, tức y hình tướng cụ túc.

2- Được hiện pháp tức hiện pháp lạc tính lự. Có thể phát sự nghiệp thần thông.

3- Chứng đắc tự nhiên: Do dựa vào tính lự. Vì khởi ý lạc cụ túc căn lành như Noãn v.v..., nên tự nhiên nhập kiến đạo.

4- Chứng đắc nội tại: Do ở địa vị kiến đạo, vì bỏ phàm lấy Thánh Cụ túc, nên chứng chân lý bên trong.

Có chỗ giải thích: “Vì chánh pháp này nên xuất gia. Và xuất gia như chánh pháp này”, nay, theo Luận sư Cảnh nói: “Nhắc lại văn luận rằng: “Nói cụ túc là dựa vào xuất gia này, được vô thượng v.v...”. Chữ “cụ túc” này, nên thuộc về câu trên, sao lại thuộc câu dưới? Không thể chuyên nương tựa.”

Thứ ba, là giải thích về chung quy, nghĩa là có sáu thứ chết, hai thứ trước rất dễ hiểu.

Chết không điều phục, nghĩa là đời quá khứ không điều phục có hành của tùy miên, mà ở thân đời nay, cũng không điều phục tùy miên mà chết. Chết rồi, tự thể của vị lai mới sinh. Lại, nhiếp thọ có hành của tùy miên cho đến “Tức là bị các khổ ràng buộc, bị ràng buộc bởi tham v.v....

Điều phục chết, nghĩa là ở hiện tại đã điều phục tùy miên rồi mới qua đời. Tự thể vị lai không còn sinh khởi nữa.

Chết của phần đồng: Như quá khứ không điều phục tùy miên. Đến hiện nay cũng không điều phục, mà bỏ thân mạng gọi là chết v.v... của phần đồng. Nếu ở quá khứ không điều phục, trong hiện tại hôm nay, đã điều phục rồi qua đời, thì đây gọi là chết không đồng phần.

Nói “Nếu ở hiện tại cho... đến “các hành đồng phần”, thì rất dễ hiểu.

Lại, dưới đây, là chết có hai: Tướng lỗi lầm của lưu chuyển và sự thắng lợi của hoàn diệt. Dưới đây sẽ giải thích hai trạng thái này: Văn rõ ràng rất dễ hiểu.

Thứ tư, là giải thích về số đạo: Chỉ nói như trước.

Thứ năm: là giải thích: Do ba tướng nên phải biết vô ngã biết khắp và dứt trừ:

1/ Đối với vô ngã biết khắp bên trong.

2/ Không có ngã sở biết khắp bên ngoài.

3/ Đối với trong ngoài cũng không có thừa, hệ thuộc lẫn nhau.

Vì thường tập ba tướng này, nên bỏ tùy miên kia, được dứt trừ rốt ráo.

Thứ sáu trong giải thích về ba thứ ràng buộc.

Nói: Rằng đầu tiên, vì các thứ, nghĩa là vì có tám kiết, chẳng phải một, nên gọi là “các thứ”. Nói là trong đây chẳng phải cảnh hữu vi chỉ một thứ, mà “sở duyên của hữu vi có đến năm thứ”. Nghĩa là chấp ngã “chẳng thật có”, chẳng thật có đồng nhau không cần tùy pháp lập riêng. Nếu chấp sẽ có pháp “có”, vì không đồng nên có năm thứ.

Thứ bảy, trong giải thích giải thoát, biết khắp các hành tóm lược có hai thứ:

1. Hiểu rõ tánh “như sở hữu”, tức do bốn thứ hành như vô thường quyết định v.v....

2. Hiểu rõ tánh “tận sở hữu”, tức do mười một hành quá khứ v.v....”

Thứ tám, trong giải thích Kiến, mạn, trước, nói về kiến, mạn. Sau y cứ ở bốn người, để an lập tập nhiễm.

Trong phần trước có hai thứ kiến, mạn, phải biết rằng, nên dứt trừ. Nghĩa là kiến, mạn này khác nhau là năm. Do hai thứ môn: Do hành nên ràng buộc, vì tùy miên. Do hành thành ba: Ngã, Ngã sở, ngã mạn này do triền lập một, nghĩa là chấp mắc, tức ngã, ngã sở ở trước và mạn hiện khởi, chấp mắc là triền ràng buộc. Ba hạt giống trước gọi là tùy miên.”

Nói “Lại có thân thức cho đến “ tướng nhân của tùy miên, nghĩa là nói có thân thức, kể cả sự ngoài dùng làm tướng nhân của năm thứ trước. Câu này là chung.

Dưới đây là nói riêng:

Nói “Tức tướng nhân này có hai cho đến “Chấp ngã, ngã mạn, dùng có thân thức làm tướng nhân của “sở duyên”, thân thức của năm uẩn mình làm tướng “sở duyên”. Về lý, cả hai thứ dùng tướng làm thức của nhân duyên, lược qua, không nói. Chấp ngã sở, lấy chung hai thứ làm tướng nhân của “sở duyên”. Nghĩa là chấp chung thân thức và nôi, sông v.v... bên ngoài làm tướng “sở duyên” của ngã sở. Cũng nên dùng có thân thức làm tướng của nhân duyên, cũng lược qua không nói, vì có

giữ gìn ngã, ngã sở và ngã mạn.

“Chấp mắc kia, do nghe pháp bất chính v.v... cho đến “làm tướng nhân của nhân duyên”.

Thứ tư là chấp mắc, dùng tà văn, tà nhân duyên, tà giáo v.v... làm tướng “sở duyên”, tùy miên làm tướng nhân. Tùy miên kia cho đến làm nhân duyên của nhân duyên”, nghĩa là tùy miên thứ năm trong năm thứ trước, vì phiền não hiện hành không như thật v.v..., có thể huân tập thành tướng nhân của nhân duyên, vì không thể “duyên” cảnh, nên không có tướng nhân của “sở duyên”.

Dưới đây là y cứ ở bốn người để an lập tạp nhiễm:

Tạp nhiễm, tức là đối với năm pháp trước, nghĩa là ngã, ngã sở, ngã mạn, triền và tùy miên.

Nói “Pháp này phạm phu v.v... đến “nhưng chấp mắc không thật có”, tức là nhập pháp phạm phu, ở bảy phương tiện hàng phục về chấp mắc, chỉ có bốn thứ và nhân của thân thức, đều có một phần tướng nhân của chấp mắc. Nghĩa là có thân thức, chẳng phải trực tiếp là nhân của bốn thứ ở trước, mà cũng là một phần tướng nhân của chấp mắc.

“Trong chúng hữu học v.v... đến “đều không thật có”, nghĩa là người học đã dứt kiến, dứt phân biệt, ngã, ngã sở kiến và người kia có tướng nhân của thân hữu thức. Cũng dứt trừ chấp mắc thứ ba và tùy miên thứ tư.

Nói “Và ngã mạn, chấp mắc, đều là tướng của nhân kia”, nghĩa là kiến dứt trừ ngã mạn, chấp trước, đều là tướng của nhân kia, tất cả đều có thể dứt trừ.

Nói “Nhưng có ngã mạn tùy miên có thể được”, nghĩa là do dứt trừ phân biệt ngã, nên tu dứt trừ ngã mạn không hiện hành. Nhưng vẫn có tùy miên ngã mạn có thể được. Lại, chúng sinh hữu tình ngoại đạo, thông thường đã có hành không vì dứt trừ chúng”, nghĩa là trong bốn thủ, đều tác ý đoạn dục. Thuận với kiến của mình là hành động trong kiến thủ, giới thủ. Đối với hành vi của người khác không thuận với tình cảm của mình thì dứt trừ.

Đối với “Ngã ngữ thủ, tất cả ngoại đạo đều không nói dứt trừ.

Nói “Chúng phạm phu của pháp này v.v... đến “Lại tu hạnh chánh”: Chương kiến đạo, nghĩa là gọi là để dứt trừ một phần. Chương ngại tu đạo, gọi là dứt trừ phần khác”.

Thứ chín, là giải thích về câu tịnh thuyết có tám:

1. “Nói là do vượt qua kiến, mạn, nên gọi là hai thứ v.v..., nghĩa là hợp hai ngã, ngã sở.

2. Do dứt trừ tướng nhân của chúng, nên gọi là câu trừ thuyết thanh tịnh của tướng, nghĩa là trừ tướng nhân của thân hữu thức.

3. Do dứt trừ tướng chấp mắc.

4. Do dứt trừ tùy miên.

5. “Nói là với hữu sau v.v... đến “gọi là cắt đứt tham ái”, nghĩa là lại không tạo nên hành của hữu sau, gọi là cắt tham ái.

6. Và “vì chuyển ba kiết”, nghĩa là vì dứt trừ ba kiết, nên gọi là “chuyển”.

7. Nói là vì hiện quán chính mạn. Luận sư Cảnh nói: “Xét chữ “Hoàn” trong bản thảo, nói là chữ “chánh”, Tam Tạng Pháp sư nói “Nên nói rằng “chỉ mạn”. Vì vô học, mạn dứt hết, nên gọi là chỉ mạn. Ngài Tam Tạng sư lại nói: “Nhưng chánh giải cũng được, nghĩa là người Vô học nói: “Sanh tử của ta đã hết v.v...”. Bốn phạm hạnh giải kèm theo ngã giải, gọi là mạn, nhưng chẳng phải tà mạn, nên gọi là chánh mạn”. Pháp sư Thái nói: “Vì chánh hiện quán mạn”, lại giải thích: lẽ ra nói chánh kiến mạn hiện quán, luận y cứ theo chánh chương, cho nên chỉ nói chánh mạn, Đạt Luận sư nói: “Tam tạng Pháp sư có hai giải thích:

1. “Chữ Chánh này sai lẽ ra là chữ “chỉ”, bậc Vô học không bao giờ khởi lên tăng thượng mạn, cho nên nói “chỉ mạn”, trong đó người học dù không cố ý khởi mạn, mà khởi tăng thượng mạn”. Lại, nói “Chữ Chánh không lầm, vì bậc Vô học cũng khởi: “sanh tử của ta đã hết v.v...”, lẽ ra cũng khởi chánh mạn, vì giả thuyết mạn.

8/ Đã thực hành Biên khổ. Như thế, tất cả đều gồm thu làm một.

Nghĩa là tám thứ này gọi chung là một câu “Thanh tịnh thuyết”.

Thứ mười, giải thích về xa lìa có bốn đủ:

1. Không có thứ hai mà trụ, nghĩa là Phật bỏ lìa. Pháp sư Thái nói: “Bồ tát có hai nghĩa:

a. Bên cổ xấu làm dụng cụ nằm.

b. Chiều dài cực biên như pháp.

3. Thân xa lìa rất dễ hiểu.

4. Tâm xa lìa, trong đó có ba lượt giải thích: a- Lìa tâm, tư bất thiện.

b- Do năm tướng phát động tinh tấn. c- Dứt trừ chướng phẩm chỉ, quán.

Thứ mười một là giải thích ba viên mãn. Xem văn sẽ hiểu.

